

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 41/2019/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2019.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh**

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-028) 37100101

Fax : (84-028) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất sáu tháng đầu năm 2019 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét sáu tháng đầu năm 2019 về các chỉ tiêu trước và sau kiểm toán .

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/08/2019 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



**NGÔ THỊ THANH LAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Số: 4.3 / GTTHSH / CV  
V/v "giải trình chênh lệch về  
số liệu BCTC Hợp nhất sau  
kiểm toán 6T đầu năm 2019"

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng đến quý Sở.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính Hợp nhất trước và sau kiểm toán 6 tháng đầu năm 2019, chúng tôi xin được giải trình một số biến đổi so với báo cáo tài chính chúng tôi đã công bố như sau:

**Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Hợp nhất trước và sau kiểm toán 6 tháng đầu năm 2019 như sau:**

- ➔ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 717.146.425 đồng. Nguyên nhân do bút toán khử doanh thu, giá vốn Công ty mẹ và Công ty con Chu Lai nhằm dẫn đến doanh thu tăng.
- ➔ **Giá Vốn hàng bán:** Tăng 717.146.425 đồng. Nguyên nhân do bút toán khử doanh thu, giá vốn Công ty mẹ và Công ty con Chu Lai nhằm dẫn đến giá vốn tăng.
- ➔ **Lợi nhuận gộp:** Do doanh thu và giá vốn tăng đồng đều nên dẫn đến lợi nhuận gộp không thay đổi.
- ➔ **Chi phí bán hàng :** Giảm 2.087.950đ. Nguyên nhân do Công ty con Chu Lai phân loại sai chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.
- ➔ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tăng 2.087.950đ. Nguyên nhân do Công ty con Chu Lai phân loại sai chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.
- ➔ **Thu nhập khác :** Giảm 272.727.273đ. Nguyên nhân do khử thu nhập khác và chi phí khác từ giao dịch bán tài sản.
- ➔ **Chi Phí Khác :** Giảm 272.727.273đ. Nguyên nhân do khử thu nhập khác và chi phí khác từ giao dịch bán tài sản.
- ➔ **Lợi nhuận khác :** Nguyên nhân trên dẫn đến Lợi nhuận khác không thay đổi.



- **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Tăng 13.409.188 đồng. Nguyên nhân do chênh lệch các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN.
- Các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính không thay đổi.
- **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :** Với các thay đổi trên so với báo cáo tài chính Công ty đã công bố nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm một khoản là : 13.409.188 đồng.

Trên đây là giải trình những biến động trên báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán của Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**



PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thị Thanh Lưu*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Số: 45/GTHSH/CV  
V/v "giải trình chênh lệch về  
số liệu BCTC Hợp nhất kiểm  
toán 6T đầu năm 2019

TP.HCM ngày 28 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Son Hà Sài Gòn xin gửi lời chào trân trọng đến quý Sở.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán 6T đầu năm 2019, chúng tôi xin được giải trình một số các biến động so với báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2018 như sau:

**Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Hợp nhất kiểm toán 6T đầu năm 2019 so với 6T đầu năm 2018 :**

- ➔ **Doanh thu thuần :** Doanh thu thuần tăng 1.07% tương đương 3.9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do mảng kinh doanh ngành hàng công nghiệp tăng trưởng tốt.
- ➔ **Giá vốn:** Doanh thu thuần tăng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng tương ứng 2.3% tương đương với 7.2 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng của giá vốn cao hơn tỷ lệ tăng của doanh thu thuần là do doanh thu bán hàng hóa kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước và giá nguyên vật liệu chính, giá nhập mua hàng hóa, chi phí sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước.
- ➔ **Lợi nhuận gộp :** Với tỷ lệ tăng doanh thu và giá vốn như trên thì lợi nhuận gộp giảm 5.25% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 3.3 tỷ đồng.
- ➔ **Doanh thu hoạt động tài chính :** Tăng 74 triệu đồng so với cùng kỳ năm ngoái do tiền chiết khấu thanh toán Công ty nhận được từ nhà cung cấp.
- ➔ **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính tăng 28.7% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 2.8 tỷ đồng nguyên nhân do lãi suất vay tăng.
- ➔ **Chi phí bán hàng:** Giảm 7.32% tương đương 2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do các Chi nhánh đã đi vào hoạt động ổn định, không phát sinh các chi phí đầu tư ban đầu cho Chi nhánh so với cùng kỳ. Tài sản, CCDC hết giá trị còn lại vẫn còn sử dụng.
- ➔ **Chi phí quản lý doanh nghiệp :** Giảm 1.38 tỷ đồng so với cùng kỳ Nguyên nhân chủ yếu do các Chi nhánh đã đi vào hoạt động ổn định, không phát sinh các chi



phí đầu tư ban đầu cho Chi nhánh so với cùng kỳ. Tài sản, CCDC hết giá trị còn lại vẫn còn sử dụng.

- ➔ **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế** : Do các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế trong kỳ giảm 17% tương đương 2.6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- ➔ **Lợi nhuận khác** : Tăng 595 triệu đồng lợi nhuận khác so với cùng kỳ nguyên nhân Công ty nhận được khoản chiết khấu bổ sung năm 2018 từ nhà cung cấp và Công ty con Chu Lai có thu nhập từ việc bán phế liệu.
- ➔ **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** : Với các biến động kể trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6T đầu năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ 17% tương ứng 2.3 tỷ đồng.

Trên đây là bản giải trình những chỉ tiêu biến động trên báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 6T đầu năm 2019 của Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thị Thanh Lan*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2019 ĐẾN 30/06/2019**

---

*Tháng 08 năm 2019*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban	
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2019
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/04/2019

**Kế toán trưởng**

Bà Ngô Thị Thanh Lan

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



*Lê Hoàng Hà*  
Chữ tịch HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/08/2019, từ trang 05 đến trang 42 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0789-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>551.794.873.975</b>	<b>543.411.447.158</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	31.151.036.958	29.793.062.935
Tiền	111		31.151.036.958	24.563.062.935
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		230.924.395.057	217.432.409.984
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	226.586.219.249	212.929.719.944
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.568.608.877	3.950.292.914
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.500.071.396	2.258.563.875
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.735.444.466)	(1.711.106.750)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	5	284.987.529.336	289.112.878.579
Hàng tồn kho	141		284.987.529.336	289.112.878.579
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.731.912.624	7.073.095.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.808.265.250	1.348.426.677
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.923.647.374	5.544.391.389
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	180.277.594
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>195.821.462.796</b>	<b>191.819.450.313</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		408.460.684	173.460.684
Phải thu dài hạn khác	216	8	408.460.684	173.460.684
Tài sản cố định	220		143.130.468.280	143.525.247.413
Tài sản cố định hữu hình	221	9	96.578.275.082	96.808.480.041
- Nguyên giá	222		158.608.985.418	152.462.656.432
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.030.710.336)	(55.654.176.391)
Tài sản cố định vô hình	227	10	46.552.193.198	46.716.767.372
- Nguyên giá	228		55.056.680.444	54.580.807.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.504.487.246)	(7.864.040.072)
Tài sản dở dang dài hạn	240		45.701.548.246	45.701.548.246
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	45.701.548.246	45.701.548.246
Tài sản dài hạn khác	260		6.580.985.586	2.419.193.970
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	6.490.624.344	2.416.023.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		90.361.242	3.170.590
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>747.616.336.771</b>	<b>735.230.897.471</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>399.717.925.786</b>	<b>384.203.012.578</b>
Nợ ngắn hạn	310		387.257.052.676	369.282.610.810
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	31.358.590.122	28.446.968.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.370.471.138	1.413.604.997
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.114.786.230	2.010.880.130
Phải trả người lao động	314		4.062.863.226	5.846.294.915
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	4.739.451.441	2.447.392.423
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	14.171.290.196	211.054.437
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	326.718.121.869	327.542.981.725
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.478.454	1.363.433.187
Nợ dài hạn	330		12.460.873.110	14.920.401.768
Phải trả dài hạn khác	337	13	277.438.000	284.638.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	12.183.435.110	14.635.763.768
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>347.898.410.985</b>	<b>351.027.884.893</b>
Vốn chủ sở hữu	410	17	347.898.410.985	351.027.884.893
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.792.000.000	275.792.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.792.000.000	275.792.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.324.226.729	8.175.955.129
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.032.184.256	67.309.929.764
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.738.012.897	31.505.403.092
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.294.171.359	35.804.526.672
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>747.616.336.771</b>	<b>735.230.897.471</b>



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	386.265.854.172	374.666.638.133
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	16.213.350.397	8.532.726.637
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>370.052.503.775</b>	<b>366.133.911.496</b>
Giá vốn hàng bán	11	20	310.493.319.271	303.272.894.458
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>59.559.184.504</b>	<b>62.861.017.038</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.435.348.413	1.360.464.642
Chi phí tài chính	22	22	12.638.083.972	9.818.333.521
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.428.635.224</i>	<i>8.887.809.004</i>
Chi phí bán hàng	25	23	26.061.272.256	28.119.864.346
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.115.967.690	11.502.529.858
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.179.208.999</b>	<b>14.780.753.955</b>
Thu nhập khác	31	24	1.280.550.930	1.014.732.622
Chi phí khác	32	25	69.706.656	399.709.162
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.210.844.274</b>	<b>615.023.460</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>13.390.053.273</b>	<b>15.395.777.415</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.183.072.566	1.781.715.535
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	(87.190.652)	(13.865.300)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.294.171.359</b>	<b>13.627.927.180</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.294.171.359	13.627.927.180
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	410	494
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	372	494



Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>13.390.053.273</b>	<b>15.395.777.415</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	7.016.981.119	6.540.073.637
Các khoản dự phòng	03	24.337.716	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(60.032.786)	(42.004.811)
Chi phí lãi vay	06	12.428.635.224	8.887.809.004
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>32.799.974.546</b>	<b>30.781.655.245</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(11.337.491.832)	(6.969.523.760)
(Tăng) hàng tồn kho	10	4.125.349.244	5.964.421.998
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.179.203.258	(43.633.806.103)
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12	(4.534.439.537)	(777.157.819)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.385.979.809)	(9.063.282.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.361.689.476)	(1.865.862.430)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.484.926.394</b>	<b>(25.563.554.993)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.984.789.918)	(6.425.241.385)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	300.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.305.513	42.004.811
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.597.484.405)</b>	<b>(6.383.236.574)</b>


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**


*(Theo phương pháp gián tiếp)*


Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	324.185.172.122	322.735.557.756
Tiền trả nợ gốc vay	34	(327.410.733.969)	(274.093.215.098)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(51.626.666)	(2.374.903.417)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(252.279.452)	(248.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.529.467.965)</b>	<b>46.019.439.241</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.357.974.023</b>	<b>14.072.647.674</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 4	29.793.062.935	38.242.168.257
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 4	31.151.036.958	52.314.815.931



  
Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

  
Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 09 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 225.792.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2016, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Điện thoại : (84-8) 3710 0101  
Fax : (84-8) 6251 9574  
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 Công ty có 248 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2018 là 283 nhân viên).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

**1.4. CẤU TRÚC CÔNG TY**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam	100%	100%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2018.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản**

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí quảng cáo, thuê nhà**

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

**3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.14 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**3.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	9.545.672.677	7.138.001.404
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.605.364.281	17.425.061.531
Các khoản tương đương tiền	-	5.230.000.000
	<b>31.151.036.958</b>	<b>29.793.062.935</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	6.048.877.000	-	4.160.459.812	-
Nguyên liệu, vật liệu	120.816.189.022	-	108.619.998.902	-
Công cụ, dụng cụ	203.823.433	-	187.829.477	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.134.779.358	-	14.799.679.715	-
Thành phẩm	48.031.601.149	-	45.566.968.266	-
Hàng hóa	96.738.988.954	-	115.777.942.408	-
	<b>284.987.529.336</b>	<b>-</b>	<b>289.112.878.579</b>	<b>-</b>

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.808.265.250</b>	<b>1.348.426.677</b>
- Chi phí trả trước về thuê kho	637.463.951	602.702.021
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	868.069.727	235.243.448
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	302.731.572	510.481.208
<b>Dài hạn</b>	<b>6.490.624.344</b>	<b>2.416.023.380</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	787.859.622	1.274.152.558
- Chi phí sửa chữa	429.317.919	40.277.777
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	135.000.000	-
- Chi phí mua bảo hiểm	21.396.918	28.135.206
- Các khoản khác	5.117.049.885	1.073.457.839
	<b>8.298.889.594</b>	<b>3.764.450.057</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>226.586.219.249</b>	<b>(1.735.444.466)</b>	<b>212.929.719.944</b>	<b>(1.711.106.750)</b>
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.534	(822.711.534)	822.711.534	(822.711.534)
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.565.523.125	-	2.565.523.125	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	13.294.432.042	-	10.398.414.402	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại Vina	61.269.056.478	-	47.649.583.148	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Phát Triển Hưng Thịnh	51.253.074.615	-	35.100.546.435	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	2.492.598.641	-	19.565.499.891	-
- Nhà phân phối Đức Trung - Đồng Nai	3.850.545.463	-	3.920.842.892	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2.562.730.006	-	2.662.838.553	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Tổng Hợp Sao Phương Nam	5.312.777.177	-	5.312.777.177	-
- Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Trần Gia Phát	34.465.955	-	34.465.955	-
- Các đối tượng khác	82.239.908.997	(24.337.716)	84.008.121.616	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>226.586.219.249</b>	<b>(1.735.444.466)</b>	<b>212.929.719.944</b>	<b>(1.711.106.750)</b>
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	15.857.162.048	-	12.963.937.527	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	2.562.730.006	-	2.565.523.125	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	13.294.432.042	-	10.398.414.402	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.500.071.396</b>	-	<b>2.258.563.875</b>	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	2.097.180.705	-	1.675.498.504	-
- Ký cược, ký quỹ	139.502.112	-	44.502.112	-
- Bảo hiểm xã hội	124.854.609	-	121.739.939	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	138.533.970	-	416.823.320	-
<b>Dài hạn</b>	<b>408.460.684</b>	-	<b>173.460.684</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	408.460.684	-	173.460.684	-
	<b>2.908.532.080</b>	-	<b>2.432.024.559</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2019	60.986.664.077	32.940.711.150	52.268.127.904	6.267.153.301	152.462.656.432
- Mua trong kỳ	-	5.470.965.350	975.363.636	-	6.446.328.986
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
30/06/2019	60.986.664.077	38.411.676.500	52.943.491.540	6.267.153.301	158.608.985.418
<b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>					
01/01/2019	(11.274.644.032)	(21.916.965.148)	(19.235.363.036)	(3.227.204.175)	(55.654.176.391)
- Khấu hao trong kỳ	(1.385.921.124)	(1.874.645.502)	(2.664.237.728)	(451.729.591)	(6.376.533.945)
30/06/2019	(12.660.565.156)	(23.791.610.650)	(21.899.600.764)	(3.678.933.766)	(62.030.710.336)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	49.712.020.045	11.023.746.002	33.032.764.868	3.039.949.126	96.808.480.041
30/06/2019	48.326.098.921	14.620.065.850	31.043.890.776	2.588.219.535	96.578.275.082

Tại ngày 30/06/2019, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 16.660.083.350 đồng và 10.689.183.399 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay là: 22.893.710.844 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019: 13.345.738.586 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2019	54.061.075.444	519.732.000	54.580.807.444
- Mua trong kỳ	-	475.873.000	475.873.000
30/06/2019	<u>54.061.075.444</u>	<u>995.605.000</u>	<u>55.056.680.444</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2019	(7.456.767.888)	(407.272.184)	(7.864.040.072)
- Khấu hao trong kỳ	(559.220.046)	(81.227.128)	(640.447.174)
30/06/2019	<u>(8.015.987.934)</u>	<u>(488.499.312)</u>	<u>(8.504.487.246)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2019	<u>46.604.307.556</u>	<u>112.459.816</u>	<u>46.716.767.372</u>
30/06/2019	<u>46.045.087.510</u>	<u>507.105.688</u>	<u>46.552.193.198</u>

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m<sup>2</sup> tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
- Quyền sử dụng đất (*)	31.076.093.700	31.076.093.700
- Nhà máy mở rộng - Sơn Hà Chu Lai	14.625.454.546	14.625.454.546
	<u>45.701.548.246</u>	<u>45.701.548.246</u>

(\*) Bao gồm:

Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất 1.000 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.739.451.441</b>	<b>2.447.392.423</b>
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	1.530.606.505	930.459.740
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	3.001.546.637	1.216.307.237
- Chi phí lãi vay	207.298.299	300.625.446
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>4.739.451.441</b>	<b>2.447.392.423</b>

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.171.290.196</b>	<b>211.054.437</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	32.535.505	27.534.784
- Kinh phí công đoàn	150.994.326	44.806.465
- Bảo hiểm xã hội	60.132.619	-
- Bảo hiểm y tế	10.984.868	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.708.600	-
- Phải trả cán bộ công nhân viên	4.212.382	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.907.721.896	138.713.188
<b>Dài hạn</b>	<b>277.438.000</b>	<b>284.638.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	277.438.000	284.638.000
	<b>14.448.728.196</b>	<b>495.692.437</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>31.358.590.122</b>	<b>31.358.590.122</b>	<b>28.446.968.996</b>	<b>28.446.968.996</b>
- Công ty TNHH Posco VST	6.194.865.295	6.194.865.295	12.128.217.710	12.128.217.710
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	4.201.665.472	4.201.665.472	6.859.713.844	6.859.713.844
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.836.728.272	5.836.728.272	2.760.285.531	2.760.285.531
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	66.624.000	66.624.000	378.222.234	378.222.234
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	8.943.068.812	8.943.068.812	-	-
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	758.255.169	758.255.169	1.005.684.350	1.005.684.350
- Các đối tượng khác	5.357.383.102	5.357.383.102	5.314.845.327	5.314.845.327
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>31.358.590.122</b>	<b>31.358.590.122</b>	<b>28.446.968.996</b>	<b>28.446.968.996</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>19.284.834.654</b>	<b>19.284.834.654</b>	<b>11.003.905.959</b>	<b>12.039.193.586</b>
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	4.201.665.472	4.201.665.472	6.859.713.844	6.859.713.844
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.836.728.272	5.836.728.272	2.760.285.531	2.760.285.531
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	66.624.000	66.624.000	378.222.234	378.222.234
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	8.421.561.741	8.421.561.741	-	-
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	758.255.169	758.255.169	1.005.684.350	2.040.971.977



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	472.146.239	3.026.917.879	2.768.147.854	730.916.264
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.519.303.844	2.183.072.566	2.361.945.137	1.340.431.273
- Thuế thu nhập cá nhân	19.430.047	199.105.115	175.096.469	43.438.693
- Các loại thuế khác	-	32.000.000	32.000.000	-
	<b>2.010.880.130</b>	<b>5.441.095.560</b>	<b>5.337.189.460</b>	<b>2.114.786.230</b>
	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	180.277.594	3.367.471.792	3.187.194.198	-
	<b>180.277.594</b>	<b>3.367.471.792</b>	<b>3.187.194.198</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a, Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>326.718.121.869</b>	<b>326.718.121.869</b>	<b>326.585.874.113</b>	<b>327.410.733.969</b>	<b>327.542.981.725</b>	<b>327.542.981.725</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>319.116.459.880</b>	<b>319.116.459.880</b>	<b>322.636.372.121</b>	<b>322.182.279.975</b>	<b>318.662.367.734</b>	<b>318.662.367.734</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón (1)	99.326.787.155	99.326.787.155	99.326.787.154	95.496.375.970	95.496.375.971	95.496.375.971
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	62.128.217.706	62.128.217.706	62.128.217.706	46.848.072.779	46.848.072.779	46.848.072.779
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	45.006.359.513	45.006.359.513	45.006.272.593	87.294.403.340	87.294.490.260	87.294.490.260
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (1)	112.655.095.506	112.655.095.506	116.175.094.668	92.543.427.886	89.023.428.724	89.023.428.724
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</b>	<b>7.291.901.993</b>	<b>7.291.901.993</b>	<b>3.639.741.996</b>	<b>5.228.453.994</b>	<b>8.880.613.991</b>	<b>8.880.613.991</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	832.800.000	832.800.000	416.400.000	416.400.000	832.800.000	832.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón (7)	1.576.188.000	1.576.188.000	1.364.262.000	623.466.000	835.392.000	835.392.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (5)	268.399.992	268.399.992	134.199.996	134.199.996	268.399.992	268.399.992
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (2)	4.614.514.001	4.614.514.001	1.724.880.000	4.054.387.998	6.944.021.999	6.944.021.999
<b>Nợ thuế tài chính (6)</b>	<b>309.759.996</b>	<b>309.759.996</b>	<b>309.759.996</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	309.759.996	309.759.996	309.759.996	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	30/06/2019		01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
<b>b, Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>12.183.435.110</b>	<b>12.183.435.110</b>	<b>1.548.800.000</b>	<b>4.001.128.658</b>	<b>14.635.763.768</b>	<b>14.635.763.768</b>
<b>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</b>	<b>10.996.021.772</b>	<b>10.996.021.772</b>	<b>-</b>	<b>3.639.741.996</b>	<b>14.635.763.768</b>	<b>14.635.763.768</b>
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (5)	44.733.772	44.733.772	-	134.199.996	178.933.768	178.933.768
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (7)	1.708.928.000	1.708.928.000	-	1.364.262.000	3.073.190.000	3.073.190.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	618.000.000	618.000.000	-	416.400.000	1.034.400.000	1.034.400.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (2)	8.624.360.000	8.624.360.000	-	1.724.880.000	10.349.240.000	10.349.240.000
<b>Nợ thuế tài chính (6)</b>	<b>1.187.413.338</b>	<b>1.187.413.338</b>	<b>1.548.800.000</b>	<b>361.386.662</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	1.187.413.338	1.187.413.338	1.548.800.000	361.386.662	-	-
	<b>338.901.556.979</b>	<b>338.901.556.979</b>	<b>328.134.674.113</b>	<b>331.411.862.627</b>	<b>342.178.745.493</b>	<b>342.178.745.493</b>

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 67/2018-HĐTDHM/NHCT944-SONHA ngày 03/08/2018 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
- Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 03/08/2018 đến ngày 31/07/2019;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thả nổi giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 46/2016/HĐTC-SH ngày 08/09/2015, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/7015218/HĐTD ngày 27/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/07/2020;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 03/TTD-0001/KHDN/17NH ngày 19/01/2017 kèm theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức ngày 23/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
  - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 002/NHNT-KD/17 tháng 19/01/2017.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 168/2018-HĐCVHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 25/09/2018 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, lãi suất và thời hạn cho vay quy định theo từng lần nhận nợ;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 25/09/2018 đến 25/09/2019;
  - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66/2017/HĐTC-KHDN ngày 09/08/2017; Hợp đồng thế chấp động sản số 73-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp động sản số 74-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 081/2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015; Vấn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ngày 05/06/2017.
- (5) Khoản vay theo hợp đồng số 0456/KH/15DN ký ngày 24/12/2015 số dư vay còn đến 31/12/2018 số tiền: 1.925.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay hoàn vốn đầu tư;
  - Ngày đáo hạn: 30/12/2020;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: Khuôn bồn nhựa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 số dư vay còn đến 31/12/2018 số tiền: 705.600.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
  - Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.
- (6) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 139915/HĐTD-TD/H/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TD/H/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TD/H/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phương tiện vận tải;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;

(7) Thuế tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

(8) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HĐTD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Son Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hóm, với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe ô tô tải Thaco Hyundai HD350;
- Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
- Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- Tài sản đảm bảo: 06 chiếc xe tải Hyundai HD350 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(9) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 956/2015/HĐTDHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 27/10/2015, hạn mức tín dụng 18.637.978.652 đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 12/09/2019. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm:
- Quyền sử hữu đất, quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại Lô 7A1, đường số 3, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX398528 (Số vào sổ cấp GCN: CT 08673) do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 19/11/2014;
  - Toàn bộ các máy móc thiết bị theo các Hợp đồng kinh tế HL-2014003 ký ngày 08/10/2014, Hợp đồng số 01/HCL-AT/HĐKT-2015 ký ngày 29/04/2015, Hợp đồng số 10045/2014/HĐKT-TAC ngày 15/12/2014, Hợp đồng số 2404/SHCL-ĐM/HĐKT/2015, Hợp đồng số 2004-SHCL/2015/ĐĐ, 0204/2015/HĐXD ngày 02/04/2015, Hợp đồng số 20-04/2015/HĐKT-TCXD, Hợp đồng số XTL/SHA01 ngày 11/05/2015, Hợp đồng số 26/05/2015/HĐKT-TCXD ngày 26/05/2015.

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 206/2018-HDDCVDADT/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 28/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai với các điều khoản sau:

- Số tiền cam kết cho vay không vượt quá 14.000.000.000 đồng;
- Phương thức cho vay: Cho vay theo từng lần;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án đối với hạng mục thi công xây dựng nhà xưởng, nhà văn phòng và các hạng mục phụ trợ (thuộc hạng mục xây dựng);
- Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản Nợ đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Tài sản bảo đảm: Theo các Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty đã ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2018	275.792.000.000	(250.000.000)	6.044.281.728	61.847.555.393	343.433.837.121				
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.804.526.672	35.804.526.672				
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	2.131.673.401	(30.342.152.301)	(28.210.478.900)				
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.131.673.401	(2.131.673.401)	-				
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(355.278.900)	(355.278.900)				
+ Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(27.579.200.000)	(27.579.200.000)				
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)				
31/12/2018	275.792.000.000	(250.000.000)	8.175.955.129	67.309.929.764	351.027.884.893				
01/01/2019	275.792.000.000	(250.000.000)	8.175.955.129	67.309.929.764	351.027.884.893				
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.294.171.359	11.294.171.359				
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	2.148.271.600	(16.571.916.867)	(14.423.645.267)				
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.148.271.600	(2.148.271.600)	-				
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(358.045.267)	(358.045.267)				
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(13.789.600.000)	(13.789.600.000)				
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)				
30/06/2019	275.792.000.000	(250.000.000)	10.324.226.729	62.032.184.256	347.898.410.985				

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết 28/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Đại hội đồng Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	41.318.400.000	41.318.400.000
Ông Lê Hoàng Hà	23.744.000.000	23.744.000.000
Các Cổ đông khác	210.729.600.000	210.729.600.000
	<u>275.792.000.000</u>	<u>275.792.000.000</u>

**17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	275.792.000.000	275.792.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	275.792.000.000	275.792.000.000
<b>Lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>16.571.916.867</b>	<b>30.342.152.301</b>

**17.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.579.200	27.579.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.579.200	27.579.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.579.200	27.579.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.579.200	27.579.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.579.200	27.579.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**17.6 CÁC QUỸ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.324.226.729	8.175.955.129



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	385.674.749.604	374.666.638.133
Doanh thu cung cấp dịch vụ	591.104.568	-
	<b>386.265.854.172</b>	<b>374.666.638.133</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>11.723.652.400</b>	<b>30.136.619.096</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	11.723.652.400	19.437.277.630
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	-	408.792.797
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	-	327.628.736
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	-	9.962.919.933

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chiết khấu thương mại	14.038.897.348	6.353.187.910
Giảm giá hàng bán	-	17.140.001
Hàng bán bị trả lại	2.174.453.049	2.162.398.726
	<b>16.213.350.397</b>	<b>8.532.726.637</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	310.462.313.149	303.272.894.458
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.006.122	-
	<b>310.493.319.271</b>	<b>303.272.894.458</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	87.305.513	42.443.256
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	54.081.786
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.348.042.900	1.263.939.600
	<b>1.435.348.413</b>	<b>1.360.464.642</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.428.635.224	8.887.809.004
Chiết khấu thanh toán	-	853.842.291
Lãi trả chậm	27.109.706	4.895.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	182.339.042	71.786.634
	<b>12.638.083.972</b>	<b>9.818.333.521</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10.115.967.690</b>	<b>11.502.529.858</b>
Chi phí nhân viên	3.363.879.280	3.840.930.840
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.374.498	378.346.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.487.841.473	1.533.013.112
Chi phí thuế	8.496.690	7.620.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.098.225.548	2.550.519.429
Chi phí quản lý khác	3.028.150.201	3.192.100.438
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>26.061.272.256</b>	<b>28.119.864.346</b>
Chi phí nhân viên	14.418.843.441	17.409.902.934
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	626.690.575	832.951.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.211.057.636	2.048.725.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.382.353.871	5.201.673.987
Chi phí bán hàng khác	4.422.326.733	2.626.610.411
	<b>36.177.239.946</b>	<b>39.622.394.204</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Thu tiền cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
Các khoản khác	1.200.828.990	935.010.682
	<b>1.280.550.930</b>	<b>1.014.732.622</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	-	79.611.804
Các khoản chi phí khác	69.706.656	320.097.358
	<b>69.706.656</b>	<b>399.709.162</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa bán ra bên ngoài	451.806.211	48.867.935
Chênh lệch giá trị còn lại TSCĐ Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn góp vốn Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	-	101.544.037
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ Thuế suất	451.806.211 20%	150.411.972 20%
Thuế TNDN hoãn lại ước tính	(90.361.242)	(30.082.394)
Thuế TNDN hoãn lại kỳ trước	3.170.590	16.217.094
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(87.190.652)</b>	<b>(13.865.300)</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**27.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 CP	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.579.200	27.579.200
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>27.579.200</b>	<b>27.579.200</b>

**27.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	11.294.171.359	13.627.927.180
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.579.200	27.579.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>410</b>	<b>494</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thời điểm phát hành báo cáo này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	11.294.171.359	13.627.927.180
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.579.200	27.579.200
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (**)	2.757.920	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>372</b>	<b>494</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập từ lợi nhuận trong kỳ do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thời điểm phát hành báo cáo này.

(\*\*) Trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành trong năm 2019 theo Nghị Quyết 28/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Đại hội đồng Cổ đông.

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	79.374.587.187	85.598.333.484
Chi phí nhân công	20.926.945.464	23.812.521.954
Khấu hao tài sản cố định	7.016.981.119	6.540.073.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.157.284.593	8.562.020.813
Chi phí bằng tiền khác	7.697.858.511	5.818.710.849
	<b>122.173.656.874</b>	<b>130.331.660.737</b>

**30. THÔNG TIN KHÁC**

**30.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại + USD	28.074,18	102,88

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.3 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ kế toán bắt đầu từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là Phó Chủ tịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát*

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	230.612.000	518.158.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	276.000.000	276.000.000

*Giao dịch với các bên liên quan*

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà</b>	<b>69.765.470</b>	<b>192.715.215</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.198.200	-
Đi thuê tài sản	60.567.270	60.567.270
Chi phí dịch vụ	-	91.528.000
Bán hàng hóa	-	40.619.945
<b>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà</b>	<b>11.723.652.400</b>	<b>19.437.277.630</b>
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	11.723.652.400	19.437.277.630
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>	<b>19.579.335.551</b>	<b>23.597.435.178</b>
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	408.792.797
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	19.579.335.551	23.188.642.381
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>	<b>79.116.901.639</b>	<b>100.052.891.140</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	77.689.136.799	99.645.540.464
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	327.628.736
Chiết khấu thanh toán	1.348.042.900	-
Cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
<b>Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp</b>	<b>4.108.481.937</b>	<b>9.962.919.933</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	4.108.481.937	9.962.919.933

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	286.394.737.974	183.212.750.991	469.607.488.965
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>286.394.737.974</b>	<b>183.212.750.991</b>	<b>469.607.488.965</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	54.443.600.042	5.115.584.462	59.559.184.504
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(36.177.239.946)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>23.381.944.558</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.435.348.413
Chi phí tài chính			(12.638.083.972)
Thu nhập khác			1.280.550.930
Chi phí khác			(69.706.656)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.183.072.566)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			87.190.652
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>11.294.171.359</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	237.754.508.994	128.379.402.502	366.133.911.496
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>237.754.508.994</b>	<b>128.379.402.502</b>	<b>366.133.911.496</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	55.688.959.845	7.172.057.193	62.861.017.038
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(39.622.394.204)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>23.238.622.834</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.360.464.642
Chi phí tài chính			(9.818.333.521)
Thu nhập khác			1.014.732.622
Chi phí khác			(399.709.162)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.781.715.535)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			13.865.300
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>13.627.927.180</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét.



\_\_\_\_\_  
Lê Hoàng Hà  
Chủ tịch HĐQT  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2019

\_\_\_\_\_  
Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập